

PHIẾU BÀI TẬP:

HỌ VÀ TÊN:

Câu 1: Cho tập hợp $M = \{1; 2; 3; 6; 8\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng

- A. $3 \in M$. B. $5 \in M$. C. $6 \notin M$. D. $8 \notin M$.

Câu 2. Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng với biểu thức có dấu ngoặc?

- A. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
C. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$ D. $[] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$

Câu 3. Cho các số 123; 356; 142; 955. Số chia hết cho 2 và 5 là

- A. 258 B. 350 C. 145. D. 155.

Câu 4. Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 51 B. 71 C. 81 D. 91

Câu 5. Số tự nhiên x thỏa mãn: $200 : x$; $118 : x$; $86 : x$ là

- A. x là bội chung của 200; 118 và 86. C. x là BCNN của 200; 118 và 86.
B. x là ước chung của 200; 118 và 86. D. x là UCLN của 200; 118 và 86.

Câu 6. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. 0 và 1 không phải là hợp số cũng không phải là số nguyên tố.
B. 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.
C. Các số nguyên tố đều là số lẻ.
D. Số nguyên tố nhỏ hơn 10 là 2; 3; 5; 7

Câu 7. Số nào trong các số sau là hợp số

- A. 17 B. 31 C. 15 D. 23

Câu 8. Số tự nhiên x thỏa mãn: $x \in BC(3, 4)$ và $25 < x < 40$ là

- A. 12. B. 38. C. 36. D. 24

Câu 9. Kết quả của phép tính $7^{12} : 7^4$ được viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 1^3 B. 7^3 C. 7^8 D. 1^8

Câu 10. Viết gọn tích $4.4.4.4$ dưới dạng một lũy thừa, ta được:

- A. 4^3 B. 4^4 C. 4^5 D. 4^6

Câu 11. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử: $M = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 5\}$

- A. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ B. $M = \{1; 2; 3; 4\}$
C. $M = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

Câu 12. Viết số 26 bằng số La Mã:

- A. XXVI B. XXIX C. XXIV D. XIV

Câu 13. Trong các cách viết sau, cách nào được gọi là phân tích số 24 ra thừa số nguyên tố.

- A. $2^2.6$ B. 4.6 C. $4.2.3$ D. $2^3.3$

Câu 14. Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng (hiệu) nào dưới đây chia hết cho 5.

- A. $140 + 49$. B. $145 + 32 + 570$. C. $12760 - 105$. D. $875 + 234$.

Câu 15. Nếu x là số nguyên tố lớn nhất có một chữ số, y là số nguyên âm lớn nhất thì $x + y + 2$ là

- A. 10. B. 9. C. 8. D. 7.

Câu 16. Kết quả của phép tính $(-11) + (-9)$ là:

- A. 20 B. -20 C. 2 D. -2

Câu 17. Trong các số nguyên âm: -19; -9; -199; -99 số lớn nhất là:

- A. -19 B. -9 C. -199 D. -99

Câu 18. Tập hợp tất cả các ước nguyên của 8 là:

- A. $\{1; 2; 4; 8\}$ B. $\{-1; -2; -4; -8\}$
C. $\{-1; -2; -4; -8; 1; 2; 4; 8\}$ D. $\{-1; -2; -4; -8; 0; 1; 2; 4; 8\}$

Câu 19. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. $0 < -3$ B. $41 = -41$ C. $23 > 41$ D. $-17 > -35$

Câu 20. Chọn khẳng định sai.

- A. Số đối của 0 là 0 B. Số đối của 7 là -7
C. Số đối của -11 là 11 D. Số đối của 1 là 1